

*
Số 16-TTNB/BXĐĐ

THÔNG TIN SINH HOẠT CHI BỘ THÁNG 10 NĂM 2026
(Tài liệu tham khảo dành cho bí thư các tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ phường)

I. THÔNG TIN TRONG NƯỚC

1. Tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

Ngày 28/7/2026, Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch số 06-KH/TW về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; trong đó nhiệm vụ của ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương; cấp ủy cấp xã cụ thể như sau:

Các nhiệm vụ của Ban Thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, gồm: Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cụ thể hóa Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, xây dựng lộ trình, kế hoạch triển khai các đề án, nhiệm vụ liên quan bảo đảm đồng bộ, phù hợp với chủ trương thí điểm mô hình tổ chức đảng trong giai đoạn mới (hoàn thành trong năm 2026). Tập trung chỉ đạo thí điểm thành lập mới 2 đảng bộ cơ sở trực thuộc cấp ủy tỉnh, thành phố, gồm: Đảng bộ Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố và Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh, thành phố, đồng thời kiện toàn mô hình đảng bộ trực thuộc cơ sở là cấp trên trực tiếp của các chi bộ thôn, tổ dân phố theo đề án của Trung ương. Thực hiện điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác dân vận theo hướng dẫn của Trung ương (triển khai ngay sau khi có chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hoàn thành trong quý III/2026). Khẩn trương hoàn thành sắp xếp, tinh gọn các cơ quan báo, tạp chí, đơn vị sự nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương theo các kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (hoàn thành trong năm 2026 - 2027). Tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh việc sắp xếp, bố trí cán bộ cấp tỉnh, cấp xã sau hợp nhất, sáp nhập theo phân cấp quản lý cán bộ (hoàn thành trong năm 2026).

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp ngang tầm nhiệm vụ theo chủ trương, kết luận của Trung ương. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, kỹ năng số gắn với yêu cầu thực tiễn từng vị trí việc làm, nhất là đội ngũ cán bộ trực tiếp tham mưu, quản lý và giải quyết công việc trên môi trường số (thực hiện thường xuyên). Tập trung cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đồng bộ với yêu cầu tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp (hoàn thành trong năm 2026).

Rà soát, đề xuất điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã nhằm khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo, trùng lặp, giao thoa

chức năng, nhiệm vụ; tình trạng cất khúc, phân mảng trong quản lý giữa cấp tỉnh, cấp xã (hoàn thành trong năm 2026). Chủ động rà soát những đơn vị hành chính chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoặc phát sinh bất hợp lý trong quá trình vận hành; xây dựng phương án điều chỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc sắp xếp bên trong tổ chức bộ máy hệ thống chính trị địa phương, nhất là sắp xếp, tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập theo chỉ đạo của Trung ương.

Các nhiệm vụ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương, gồm: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng lãnh đạo bằng chủ trương, định hướng chiến lược, kiến tạo, phát triển, thiết kế thể chế, quy chế, cơ chế phối hợp và kiểm soát quyền lực (thực hiện thường xuyên). Nâng cao năng lực hoạch định chính sách và lãnh đạo phát triển thông qua việc đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo, ứng dụng dữ liệu trong toàn bộ chu trình xây dựng, thực hiện và đánh giá nghị quyết (thực hiện thường xuyên). Đổi mới căn bản công tác đánh giá cán bộ, kiên quyết xoá bỏ tình trạng “cào bằng”; lấy sản phẩm đầu ra, hiệu quả giải quyết công việc làm thước đo cốt lõi. Gắn trách nhiệm cá nhân người đứng đầu với hiệu quả của tập thể; kiên quyết thay thế cán bộ đùn đẩy, né tránh trách nhiệm và kịp thời trọng dụng nhân tố có tư duy đổi mới sáng tạo, mang lại kết quả đột phá (thực hiện thường xuyên).

Tập trung rà soát, ưu tiên bố trí cán bộ, công chức có năng lực, chuyên môn sâu đảm nhiệm các vị trí trọng yếu, trực tiếp phục vụ nhân dân (đất đai, tài chính, tư pháp, công nghệ thông tin, tiếp công dân...). Tăng cường tự đào tạo, bồi dưỡng nội bộ, nhất là kỹ năng ứng dụng công nghệ số; chuẩn hóa các quy trình, biểu mẫu và thiết lập kênh hướng dẫn nghiệp vụ trực tuyến để hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời vướng mắc thực tiễn. Lấy kết quả bồi dưỡng, nâng cao năng lực làm tiêu chí quan trọng trong đánh giá và sử dụng cán bộ (thực hiện thường xuyên).

Triển khai đồng bộ, thực chất Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài gắn với thúc đẩy cơ chế liên thông nguồn nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư. Đẩy mạnh phát hiện, đào tạo, ưu tiên phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, người dân tộc thiểu số và tăng cường luân chuyển, bố trí cho các địa bàn, lĩnh vực trọng yếu. Khẩn trương thiết lập cơ chế đột phá nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và quản trị hiện đại; thực thi nghiêm túc, hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung (thực hiện thường xuyên).

Tăng cường kiểm tra, giám sát chuyên đề nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; kiên quyết chống lợi ích nhóm, cục bộ, bè phái, chạy chức, chạy quyền; thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong công tác cán bộ (thực hiện thường xuyên). Áp dụng phương pháp quản trị theo dữ liệu, lượng hóa công việc để xác định nhu cầu biên chế thực tế; chuyển từ quản lý số lượng biên chế sang quản lý chất lượng và hiệu quả thực thi công vụ (thực hiện thường xuyên). Tập trung hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận, chỉnh lý, phân loại, số hóa và quản lý tập trung hồ sơ, tài liệu, dữ liệu sau khi kết thúc hoạt động cấp huyện và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo đúng quy định về văn thư, lưu trữ. Không để hồ sơ, tài liệu bị thất lạc, phân tán, xuống cấp hoặc khó truy cập;

ưu tiên số hóa các hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp (hoàn thành trong năm 2026).

Rà soát toàn diện trụ sở, phòng làm việc, phòng tiếp công dân, bộ phận một cửa, kho lưu trữ, trang thiết bị, phương tiện làm việc, đường truyền, máy tính, chữ ký số, phần mềm chuyên ngành và các điều kiện thiết yếu khác; có phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp phù hợp với quy mô dân số, diện tích tự nhiên, khối lượng công việc, đặc thù địa bàn và yêu cầu chuyển đổi số của từng xã, phường, đặc khu (hoàn thành trong năm 2026). Rà soát, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị và cá nhân, bảo đảm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ sót hoặc đùn đẩy trách nhiệm trong thực thi công vụ. Thiết lập cơ chế kiểm soát nhiều tầng, kết hợp giữa kiểm soát theo chiều dọc từ cấp trên đối với cấp dưới và kiểm soát theo chiều ngang giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan. Giám sát theo dữ liệu, theo tiến độ, theo sản phẩm đầu ra, theo phản ánh của người dân và doanh nghiệp (thực hiện thường xuyên).

Tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành; gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân, xác định rõ trách nhiệm của người tham mưu, thẩm định, quyết định và tổ chức thực hiện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản trị, theo dõi, giám sát và lưu vết toàn bộ quá trình xử lý công việc; phát huy vai trò của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong phát hiện, phòng ngừa và xử lý các biểu hiện lạm quyền, vi phạm hoặc lợi ích cục bộ (thực hiện thường xuyên).

Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và quy trình thực hiện của từng cấp, từng cơ quan. Tăng cường giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, việc chấp hành quy chế làm việc và cơ chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan kiểm tra của Đảng, thanh tra, kiểm toán, nội chính, tư pháp và các cơ quan liên quan; tăng cường chia sẻ dữ liệu, kết quả kiểm tra, giám sát nhằm hạn chế chồng chéo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát. Thực hiện nghiêm cơ chế hậu kiểm, bảo đảm các kết luận và kiến nghị sau kiểm tra, giám sát được thực thi đầy đủ, kịp thời và hiệu quả (thực hiện thường xuyên).

Nhiệm vụ của cấp ủy cấp xã, gồm: Kết thúc hoạt động của đảng bộ các cơ quan đảng, đảng bộ ủy ban nhân dân cấp xã; thành lập chi bộ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị cấp xã sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương (hoàn thành trong năm 2026). Tiếp tục sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, phổ thông ở các xã, phường, cơ sở y tế tại địa phương (hoàn thành trong năm 2026).

2. Phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên mới

Trong 5 năm qua, thực hiện Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung đã bước đầu đạt được một số kết quả tích cực.

Nhằm khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tiên phong, gương mẫu, dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh, trí tuệ, đạo đức, năng lực hành động, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền

của Đảng, xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Hoàn thiện thể chế, pháp luật đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi để phát hiện, khuyến khích, tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ dân thân, dám đổi mới, sáng tạo, dám đột phá vì lợi ích chung. Khắc phục triệt để tình trạng e ngại, sợ sai, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; tạo chuyển biến rõ nét về kỷ luật, kỷ cương, chất lượng và hiệu quả thực thi nhiệm vụ; góp phần xây dựng nền công vụ năng động, liêm chính, chuyên nghiệp, sáng tạo, lấy sản phẩm, kết quả thực thi và sự hài lòng của Nhân dân, doanh nghiệp làm thước đo chủ yếu. Thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực, quản trị rủi ro, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và bảo vệ cán bộ đúng người, đúng việc, đúng bản chất.

Ngày 22/8/2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về phát huy tinh tiên phong, gương mẫu, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên mới, nêu rõ các nhiệm vụ, giải pháp: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, nhất là trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật và cơ chế đặc thù trọng dụng, bảo vệ cán bộ. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với quản trị rủi ro công vụ từ sớm, từ xa trong triển khai các đề xuất đổi mới, sáng tạo. Thực hiện cơ chế bảo vệ bao trùm, xuyên suốt; minh bạch quy trình miễn, giảm trách nhiệm gắn với đổi mới công tác kiểm tra, giám sát. Đột phá mạnh mẽ trong công tác cán bộ, lấy hiệu quả đổi mới, sáng tạo làm thước đo cốt lõi, tạo động lực, tôn vinh và trọng dụng cán bộ.

Giải pháp đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với quản trị rủi ro công vụ từ sớm, từ xa trong triển khai các đề xuất đổi mới, sáng tạo, được cụ thể như sau: Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho cấp ủy, người đứng đầu trong quyết định và tổ chức thực hiện các giải pháp đột phá, cấp bách. Phân cấp, ủy quyền phải đi đôi với tăng cường kiểm soát quyền lực, giám sát và trách nhiệm giải trình; quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong đề xuất, phê duyệt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; phân định rõ loại việc người đứng đầu quyết định và những việc phải xin ý kiến, thông qua tập thể; bảo đảm thống nhất với nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo xử lý dứt điểm các điểm nghẽn, dự án trì trệ, tồn đọng kéo dài, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, tài chính, đầu tư công, tài nguyên, môi trường, hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội... Đối với mô hình thí điểm khác với quy định hiện hành hoặc chưa có quy định, phải báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định; những vấn đề lớn, liên ngành, liên vùng, phức tạp, vượt thẩm quyền, phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền ở Trung ương.

Thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro công vụ từ sớm, từ xa. Mọi đề xuất đổi mới, sáng tạo phải công khai, minh bạch, xác định rõ mục tiêu, thẩm quyền, nguồn lực, rủi ro và cam kết không vụ lợi. Đơn giản hóa quy trình đối với đề xuất nhỏ, cấp thiết ở cơ sở; quy định thời hạn xử lý đối với từng khâu, gắn trách nhiệm người đứng đầu

nếu để chậm trễ, kéo dài. Thiết lập cơ chế tư vấn, giám sát liên ngành để hỗ trợ, thẩm định, theo dõi và đánh giá khách quan quá trình thực hiện.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất về sáng kiến, đề xuất đổi mới bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống"; theo dõi, đánh giá, kiểm soát rủi ro và kịp thời nhân rộng các mô hình hiệu quả. Tổ chức, cơ quan, đơn vị bảo đảm nguồn lực thực hiện, bố trí kịp thời trang thiết bị, phương tiện làm việc, nhân sự và kinh phí cần thiết để cán bộ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, sáng tạo đã được phê duyệt. Thiết lập cơ chế tham vấn, phản ứng nhanh, hỗ trợ cán bộ xử lý rủi ro từ sớm, từ xa, quyết định kịp thời đối với các tình huống cấp bách, vấn đề phức tạp về kinh tế - xã hội hoặc thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm không bỏ lỡ thời cơ, không gây ách tắc công việc chung.

3. Mục tiêu của chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới

Ngày 22/8/2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW về *Chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh mới*, nêu rõ các mục tiêu phấn đấu như sau:

Mục tiêu tổng quát là làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới, Cương lĩnh chính trị và đường lối của Đảng giữ vững vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, được bảo vệ vững chắc, vận dụng và phát triển sáng tạo. Tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh thấm sâu vào đời sống xã hội, trở thành văn hoá trong ứng xử và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Công tác tư tưởng vận hành thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở, trên cả không gian thực và không gian số, ở trong nước và ngoài nước. Toàn Đảng và hệ thống chính trị ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; an ninh tư tưởng được bảo đảm trong mọi tình huống.

Đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng có bản lĩnh chính trị, đạo đức, trí tuệ, năng lực và uy tín. Hệ thống thông tin cơ sở đổi mới căn bản, phủ kín địa bàn dân cư; cùng với hệ thống giải pháp kỹ thuật tổng thể bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và nền tảng số công tác tư tưởng dùng chung tạo thành một chỉnh thể thống nhất, liên thông, an toàn trên nền dữ liệu tin cậy, bảo đảm chủ quyền dữ liệu quốc gia. Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, niềm tin của Nhân dân và đồng thuận xã hội được củng cố vững chắc; lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, sức đề kháng tư tưởng của toàn xã hội và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, trở thành nguồn lực nội sinh để thực hiện thành công mô hình phát triển mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong kỷ nguyên mới.

Đến năm 2030, *tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh được thực hành thường xuyên, thấm sâu vào đời sống xã hội, trở thành văn hoá trong ứng xử và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân*: 100% cấp ủy, tổ chức đảng đưa công tác tư tưởng vào chương trình công tác và nội dung kiểm điểm hằng năm; việc học tập và thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh có chuyển biến rõ nét, thực chất, thể hiện bằng chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên và mức độ hài lòng, niềm tin của Nhân dân. Hệ thống học liệu số, dữ liệu số phục vụ giáo dục lý luận chính trị và học

tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh được hoàn thiện phù hợp với từng nhóm đối tượng, liên thông với kho dữ liệu số quốc gia về lý luận chính trị, văn kiện Đảng, lịch sử Đảng và dữ liệu số Di sản Hồ Chí Minh. Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam ngày càng được cụ thể hoá và thực hành trong cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư.

Nền tảng tư tưởng của Đảng được bảo vệ vững chắc; suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" bị ngăn chặn, đẩy lùi; an ninh tư tưởng được bảo đảm: Hệ thống luận cứ khoa học và cơ sở dữ liệu luận cứ dùng chung phục vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được bổ sung, hoàn thiện và sử dụng hiệu quả. Nhận diện sớm và phản bác kịp thời bằng luận cứ khoa học đối với 100% quan điểm sai trái, thù địch có tác động lớn đến đời sống xã hội; ngăn chặn kịp thời 100% nội dung vi phạm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật; mức độ lan toả của nội dung xấu độc trong nước giảm tối thiểu 70% so với năm 2026. Các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" được phát hiện, cảnh báo và xử lý kịp thời từ cơ sở, không để kéo dài, tích tụ; vi phạm kỷ luật phát ngôn của cán bộ, đảng viên giảm mạnh, các trường hợp vi phạm được xử lý nghiêm theo quy định. Quy chế bảo đảm an ninh tư tưởng và cơ chế phản ứng khủng hoảng thông tin được ban hành và vận hành thông suốt từ Trung ương đến cơ sở.

Niềm tin của Nhân dân được củng cố vững chắc, đồng thuận xã hội được tạo lập thực chất: Toàn bộ chủ trương, nghị quyết, chính sách được định hướng nhận thức thống nhất, kịp thời trong toàn Đảng, có phương án tuyên truyền, giải thích, đối thoại đi cùng ngay từ khi xây dựng chính sách. Niềm tin của Nhân dân và mức độ đồng thuận xã hội tăng vững chắc hằng năm. Tâm tư, nguyện vọng, ý kiến, kiến nghị chính đáng của Nhân dân được nắm, tiếp nhận, phản hồi và giải quyết kịp thời; kết quả tiếp thu, giải quyết được công khai. Các vấn đề tư tưởng, dư luận xã hội phát sinh ở cơ sở được phát hiện sớm, xử lý kịp thời, hiệu quả, không để kéo dài, vượt cấp, tích tụ thành vấn đề phức tạp, điểm nóng; phản đầu 100% kiến nghị, phản ánh của Nhân dân được tiếp nhận và trả lời trong thời hạn quy định.

Công tác tư tưởng tiến hành đồng bộ, hiệu quả trên cả không gian thực và không gian số, ở trong nước và ngoài nước: 100% cấp xã có lực lượng làm công tác tư tưởng, hoạt động thường xuyên tại từng địa bàn dân cư; 100% cấp xã kết nối hệ thống thông tin nguồn; người dân ở mọi địa bàn tiếp cận được thông tin chính thống hai chiều. Mỗi chủ trương, nghị quyết, chính sách lớn đều có phương án truyền thông đồng bộ theo từng nhóm đối tượng, lan toả đồng bộ tới các tầng lớp Nhân dân; thế trận lòng dân được củng cố vững chắc. Tỷ lệ người dân tin tưởng và chủ động sử dụng thông tin từ nguồn chính thống tăng vững chắc hằng năm. Cả nước hình thành mạng lưới 15.000 - 20.000 người có uy tín, người có ảnh hưởng tích cực tham gia công tác tư tưởng. Hệ sinh thái truyền thông đối ngoại đa nền tảng, đa ngôn ngữ hoạt động hiệu quả; cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tích cực lan toả hình ảnh đất nước, giá trị văn hoá, con người và thành tựu phát triển của đất nước.

Đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng có đủ phẩm chất, năng lực; hệ thống dữ liệu, công nghệ và hạ tầng được hoàn thiện đồng bộ, hiện đại: 100% cấp xã có cán bộ

chuyên trách; 100% cán bộ làm công tác tư tưởng các cấp, thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Công tác 35, người làm nhiệm vụ thông tin ở cơ sở được tập huấn, bồi dưỡng hằng năm; toàn Đảng có 4.000 - 6.000 cán bộ tuyên giáo nòng cốt được đào tạo chuyên sâu. Hệ thống quy định, hướng dẫn, quy trình, tiêu chí nghiệp vụ về công tác tư tưởng được ban hành đồng bộ và đi vào vận hành. Cơ bản hoàn thành hệ sinh thái dữ liệu và hạ tầng phục vụ công tác tư tưởng thống nhất trong toàn Đảng; hệ thống giải pháp kỹ thuật tổng thể bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và nền tảng số công tác tư tưởng dùng chung đi vào vận hành thông suốt từ Trung ương đến cơ sở; toàn bộ dữ liệu lưu trữ trên hạ tầng số trong nước, bảo đảm chủ quyền dữ liệu quốc gia.

Tầm nhìn đến năm 2045 và xa hơn: Công tác tư tưởng trở thành năng lực nội sinh của Đảng và của cả dân tộc, chủ động định hình nhận thức xã hội, vững vàng trước mọi biến động của môi trường thông tin. Công tác lý luận đi trước, định hướng, dẫn dắt thực tiễn, đủ sức lý giải những vấn đề mới của thời đại và của một xã hội phát triển ở trình độ cao; Việt Nam đóng góp ngày càng quan trọng vào sự phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Hệ giá trị Việt Nam và bản sắc văn hoá dân tộc trở thành sức mạnh mềm quốc gia, tương xứng vị thế nước phát triển, có thu nhập cao; chủ quyền quốc gia trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá được giữ vững trong môi trường thông tin toàn cầu.

4. Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 9 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2026 của Thành phố Hồ Chí Minh

4.1. Về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 9 tháng đầu năm 2026

- Về kinh tế: Kinh tế Thành phố tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực; các động lực về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tiêu dùng, xuất khẩu và đầu tư tiếp tục phát huy hiệu quả. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 683.867 tỷ đồng, tăng 47,63% so với cùng kỳ, đạt 57,95% mục tiêu năm; chỉ số sản xuất công nghiệp nước tăng 11,1%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.488.711 tỷ đồng, tăng 13,8%; doanh thu du lịch đạt 282.696 tỷ đồng, tăng 43,4%; khách quốc tế đạt 8,51 triệu lượt, tăng 34,5%. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 76,25 tỷ USD, tăng 10,29%; nhập khẩu ước đạt 81,22 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước đạt 670.599 tỷ đồng, bằng 83,5% dự toán Trung ương giao; so với mục tiêu thu trên 01 triệu tỷ đồng, đạt khoảng 66,4%. Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 187.817 tỷ đồng, bằng 61,5% dự toán. Giải ngân kế hoạch đầu tư công dự kiến đến hết tháng 9 khoảng 103.319 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch. Trong 921 các công trình, dự án tồn đọng, có 233 dự án đã hoàn thành tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, 688 dự án đã có hướng chỉ đạo xử lý.

Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Thành phố thu hút khoảng 17,2 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vượt 56,6% so với kế hoạch năm 2026 và tăng 318,9%; có 43.860 doanh nghiệp thành lập mới và 15.672 doanh nghiệp hoạt động trở lại. Tuy nhiên, số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động tăng cao.

Lĩnh vực nông nghiệp duy trì ổn định; sản lượng trồng trọt, chăn nuôi gia cầm và thủy sản tăng so với cùng kỳ. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được thực hiện tốt,

tỷ lệ che phủ rừng đạt 10,74%, hoàn thành kế hoạch. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được phát hiện, xử lý kịp thời, không để lây lan trên diện rộng.

- Về phát triển hạ tầng đô thị tài nguyên và môi trường: Công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị được tập trung chỉ đạo; khẩn trương hoàn thiện Đồ án Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm; rà soát mạng lưới đường sắt đô thị, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, không gian ngầm, phát triển đô thị theo định hướng TOD và xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch GIS thống nhất.

Thành phố phát triển khoảng 13,55 triệu m² sàn nhà ở, nâng diện tích nhà ở bình quân lên khoảng 27,26m²/người; có 03 dự án nhà ở xã hội hoàn thành, 13 dự án khởi công, 25 dự án đang thi công, tổng quy mô khoảng 22.874 căn; hoàn thành di dời 2.987 căn nhà trên và ven kênh, rạch. Duy trì thu gom, xử lý 100% chất thải rắn sinh hoạt; tỷ lệ tái chế, xử lý bằng công nghệ mới đạt 38%; tỷ lệ thu gom nước thải đô thị đạt 52%, tỷ lệ xử lý đạt 22,5%.

- Về khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được đẩy mạnh. Thành phố đã tích hợp 31/45 cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối 13 nhóm dữ liệu quốc gia, đưa 78/142 cơ sở dữ liệu lên Cổng dữ liệu mở; hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2026 xếp hạng 98 thế giới, tăng 12 bậc; công bố Đề án Đô thị Khoa học công nghệ Bắc Thành phố Hồ Chí Minh quy mô 323 ha, ra mắt Quỹ đầu tư mạo hiểm có vốn điều lệ 500 tỷ đồng và triển khai thương mại hóa 54 sản phẩm công nghệ.

- Về văn hóa xã hội: Các lĩnh vực văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế và an sinh xã hội tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. Thành phố tổ chức chuỗi hoạt động kỷ niệm 50 năm Thành phố Sài Gòn - Gia Định vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh; tổ chức thành công Đại hội Thể dục Thể thao Thành phố lần thứ I. Chiến dịch 150 ngày đêm hoàn thành 1.000 phòng học đã đưa vào sử dụng 1.027 phòng học; tiếp tục triển khai 19 dự án, bổ sung 301 phòng học.

Triển khai Chương trình khám sức khỏe toàn dân cho gần 4,5 triệu người, đạt 34,8% dân số, 100% người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử. Dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử được cập nhật đến nay khoảng 4,5 triệu hồ sơ/dữ liệu; 163/163 bệnh viện triển khai bệnh án điện tử. Thành phố tổ chức 174 phiên giao dịch việc làm; toàn Thành phố còn 16.448 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm 0,44%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,81%.

- Về cải cách hành chính và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Công tác rà soát, xử lý và xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được tập trung triển khai. Đến ngày 07 tháng 9 năm 2026, Thành phố đã xử lý 964/1.576 văn bản, đạt 61,17%; ban hành 20/51 nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, đạt 39,2% (còn 31 nghị quyết, trong đó 15 nghị quyết đã quá hạn) và 21/74 quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, đạt 28,4% (còn 53 quyết định). Đối với Luật Phát triển đô thị, Thành phố xác định cần ban hành 61 nghị quyết, 24 quyết định và đang triển khai sơ đồ Gantt, “Chiến dịch 30 ngày đêm khai thông thể chế” để đẩy nhanh tiến độ.

- Về quốc phòng an ninh và đối ngoại: Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; bảo đảm an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại

quan trọng. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm trật tự an toàn giao thông được tăng cường. Thành phố đón tiếp, làm việc với hơn 80 đoàn quốc tế, tổ chức 14 đoàn công tác nước ngoài của lãnh đạo Thành phố, ký kết 05 bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác và gần 10 văn kiện hợp tác chuyên ngành.

** Bên cạnh kết quả đạt được tình hình kinh tế xã hội Thành phố còn một số khó khăn hạn chế:* (1) Áp lực hoàn thành mục tiêu tăng trưởng hai con số và thu ngân sách trên 01 triệu tỷ đồng rất lớn, trong khi các động lực tăng trưởng mới chưa phát huy rõ nét; (2) Hoạt động sản xuất, kinh doanh của một bộ phận doanh nghiệp còn khó khăn; số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động tăng cao; (3) Quy hoạch, đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư vẫn còn điểm nghẽn; tiến độ bàn giao mặt bằng và giải ngân vốn đầu tư công tại một số dự án chưa đáp ứng yêu cầu; (4) Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; việc triển khai giữa các lĩnh vực, địa bàn chưa đồng đều; giải ngân kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thấp; (5) Tiến độ khám sức khỏe toàn dân còn thấp; một số vấn đề về hạ tầng đô thị, giao thông, môi trường, nhà ở xã hội và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; (6) Tiến độ xây dựng, ban hành một số văn bản quy định chi tiết còn chậm; khối lượng nhiệm vụ cụ thể hóa và tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị trong những tháng cuối năm rất lớn.

4.2. Nhiệm vụ giải pháp trọng tâm 3 tháng cuối năm 2026

Tiếp tục quán triệt, triển khai các nghị quyết của Trung ương, Quốc hội và Thành ủy; trọng tâm là Nghị quyết số 09-NQ/TW, Chương trình hành động số 21-CTrHĐ/TU và Chỉ thị số 22-CT/TU về thi hành Luật Phát triển đô thị. Khẩn trương hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Phát triển đô thị; tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản công; vận hành chính quyền địa phương 02 cấp ổn định, thông suốt.

Quyết liệt thúc đẩy tăng trưởng, phấn đấu quý IV tăng 12,3%, cả năm đạt 10,2%; huy động trên 1,2 triệu tỷ đồng cho đầu tư phát triển. Thực hiện các giải pháp thu ngân sách trên 01 triệu tỷ đồng; khai thác nguồn thu còn dư địa, nhất là nguồn thu từ đất; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đẩy nhanh thủ tục, triển khai và đưa vào hoạt động các dự án FDI đã được chấp thuận.

Tăng tốc giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả giải ngân. Tập trung tháo gỡ vướng mắc về bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng; xử lý các dự án tồn đọng, đẩy nhanh tiến độ công trình trọng điểm và phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược.

Hoàn thiện, phê duyệt và tổ chức triển khai Quy hoạch tổng thể Thành phố thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm; đẩy nhanh đường sắt đô thị, phát triển đô thị theo định hướng TOD, số hóa dữ liệu quy hoạch; phát triển nhà ở xã hội và chỉnh trang khu vực nhà trên và ven sông, kênh, rạch.

Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; đẩy nhanh xác định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và cấp Giấy chứng nhận. Phấn đấu tỷ lệ tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ mới đạt trên 45%; tăng

cường kiểm soát ô nhiễm, bảo đảm an ninh nguồn nước và chủ động phòng, chống thiên tai.

Triển khai thực chất, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, các sản phẩm công nghệ chiến lược, hạ tầng dữ liệu và nền tảng số dùng chung; đẩy mạnh chuyển đổi số cấp xã, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, bảo đảm an toàn thông tin.

Nâng cao chất lượng văn hóa, giáo dục, y tế và an sinh xã hội; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao hướng về cơ sở; tiếp tục Chương trình khám sức khỏe toàn dân; hoàn thành giai đoạn 2 Kế hoạch 150 ngày đêm hoàn thành 1.000 phòng học; chăm lo người có công, người nghèo, người yếu thế và chuẩn bị Tết Nguyên đán Đinh Mùi năm 2027.

Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; triển khai các giải pháp xây dựng Thành phố không ma túy. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, huy động nguồn lực phục vụ Trung tâm Tài chính quốc tế, khoa học, công nghệ, hạ tầng, logistics, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

5. Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

Ngày 28/7/2026, Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; trong đó nêu rõ mục tiêu phát triển như sau:

Đến năm 2030, mục tiêu tổng quát là: Xây dựng nền tảng vững chắc để Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh. Hình thành hệ thống quản trị biển quốc gia hiện đại, thống nhất, đồng bộ, dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu số; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên và không gian biển; từng bước làm chủ biển xa, biển sâu và các không gian phát triển mới trên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái biển. Kinh tế biển phát triển hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao. Đời sống Nhân dân vùng ven biển, hải đảo được nâng cao; văn hoá biển được gìn giữ và phát huy. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển được giữ vững; vị thế, uy tín và vai trò của Việt Nam được nâng cao.

Mục tiêu cụ thể: Về kinh tế, phần đầu tổng GRDP của các tỉnh, thành phố ven biển đóng góp trên 70% GDP cả nước. Thu nhập bình quân đầu người các tỉnh, thành phố ven biển cao hơn 1,2 - 1,3 lần bình quân cả nước. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của các địa phương ven biển phần đầu đạt trên 11%/năm. Phát triển các dự án điện gió ngoài khơi có công suất 6 - 10GW. Thị phần vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu do đội tàu biển Việt Nam đảm nhận đạt 20%; chi phí logistics giảm còn dưới 12% GDP. Tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch biển, đảo bình quân 14%/năm. Giá trị sản xuất nuôi biển tăng bình quân 8%/năm; tỉ trọng nuôi biển trong tổng giá trị sản xuất thủy sản đạt 15%. Phát triển không gian biển, hạ tầng biển: Hình thành 5 - 6 trung tâm kinh tế biển mạnh. Hình thành 3 khu kinh tế đặc biệt. Hoàn thành 100% tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch; 100% đảo có vị trí chiến lược, trọng yếu cơ bản được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ.

Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phấn đấu hình thành 2 - 3 tổ chức nghiên cứu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo biển dẫn đầu trong khu vực ASEAN. Có 1 - 2 tàu nghiên cứu biển sâu lưỡng dụng. Hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biển. Tỷ lệ số hoá, tích hợp và chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động biển đạt 100% trong hệ thống quản lý nhà nước.

Về quản trị không gian biển, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, phấn đấu hoàn thành 100% phân vùng chức năng biển cho từng ngành, lĩnh vực, địa phương. Diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia. 100% chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý. 100% các đảo trọng yếu, dân sinh có hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải.

Về văn hoá, xã hội, phấn đấu 100% di sản văn hoá biển được số hoá. Chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn trung bình cả nước. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, có kỹ năng trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển đạt trên 45%. 100% cư dân vùng biển, hải đảo được tiếp cận điện, nước sạch, Internet băng rộng và dịch vụ y tế, giáo dục.

Về bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển. Bảo đảm an ninh toàn diện cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển. 100% công trình, dự án trọng điểm và các công trình biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn; 100% địa phương ven biển, các đảo xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống. Đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển được đẩy mạnh, vai trò và vị thế Việt Nam trong các cơ chế hợp tác biển và đại dương toàn cầu được nâng cao.

Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam là quốc gia biển mạnh, giàu từ biển, phát triển bền vững từ biển; có nền quản trị biển hiện đại, khoa học, công nghệ biển tiên tiến. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân vùng biển, đảo được nâng cao toàn diện; văn hoá biển được bảo tồn và phát huy. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển được giữ vững; có vị thế, uy tín và vai trò quan trọng trong hợp tác quốc tế, quản trị biển và đại dương toàn cầu.

6. Một số nội dung cơ bản của Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

Ngày 22 tháng 8 năm 2026 Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Chương trình hành động số 29-CTrHĐ/TU tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới, với các nội dung cơ bản:

6.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh trong sạch, vững mạnh toàn diện; tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng

tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố trong kỷ nguyên mới.

Tiếp tục củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên gắn với đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm thực sự là hạt nhân chính trị ở cơ sở; xây dựng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, tư duy đổi mới, năng lực số, năng lực quản trị hiện đại, đáp ứng yêu cầu thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới.

6.2. Các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

6.2.1. Về xây dựng tổ chức cơ sở đảng (12 chỉ tiêu): (1) Trên 90% tổ chức cơ sở đảng hằng năm được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; (2) 100% tổ chức cơ sở đảng được đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ theo tiêu chí, chỉ số cụ thể; kịp thời xem xét, xử lý theo quy định đối với các trường hợp sinh hoạt hình thức, kéo dài, không khắc phục hạn chế, khuyết điểm; (3) Trên 75% tổ chức cơ sở đảng đạt mô hình “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ bốn tốt” trên tổng số tổ chức đảng đủ điều kiện đánh giá hằng năm; (4) 100% tổ chức cơ sở đảng ban hành và thực hiện quy chế làm việc, quy chế phối hợp phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; (5) 100% khu phố, ấp, khu dân cư có chi bộ; (6) Phân đấu thành lập tổ chức đảng tại các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có đủ điều kiện năm sau cao hơn năm trước; (7) Phân đấu hoàn thành 100% hồ sơ được số hóa, cập nhật, quản lý trên hệ thống liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hình thành kho dữ liệu lớn của quốc gia đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị; (8) 100% tổ chức cơ sở đảng triển khai và sử dụng hiệu quả “Sổ tay đảng viên điện tử”; (9) Phân đấu hoàn thành 100% cơ sở dữ liệu về đảng viên, tổ chức đảng được liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (10) Trên 80% nghiệp vụ công tác đảng được thực hiện trên môi trường số; trên 90% đảng viên tham gia sinh hoạt, học tập trên môi trường số; (11) Mở rộng phạm vi triển khai mô hình “Đảng viên số”, “Chi bộ số”, “Đảng bộ số” năm sau cao hơn năm trước, phân đấu hoàn thành đến năm 2030; (12) 100% tổ chức cơ sở đảng thực hiện tốt công tác quản lý, rà soát, sàng lọc và đánh giá chất lượng đảng viên hằng năm.

6.2.2. Về đội ngũ đảng viên (10 chỉ tiêu): (1) Tỷ lệ kết nạp đảng viên hằng năm đạt từ 3% trở lên tổng số đảng viên toàn Đảng bộ Thành phố; (2) Tỷ lệ kết nạp đảng viên là học sinh, sinh viên hằng năm đạt từ 8% trở lên tổng số đảng viên kết nạp mới; (3) Tỷ lệ kết nạp đảng viên trong khu vực ngoài nhà nước (doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp,...) đạt từ 10% trở lên tổng số đảng viên kết nạp mới; (4) Phân đấu đến năm 2030, tăng số lượng đảng viên kết nạp mới là chủ doanh nghiệp tư nhân, người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước đạt và vượt so với giai đoạn 2022 – 2025; (5) Phân đấu tăng số lượng đảng viên kết nạp mới có trình độ thạc sĩ, đại học năm sau cao hơn năm trước; trong đó, tập trung ở các lĩnh vực then chốt về y tế, giáo dục, văn hóa; các lĩnh vực theo định hướng Nghị quyết số 57 - NQ/TW và Nghị quyết số 68 - NQ/TW (trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu số, công

nghe sinh học, tự động hóa/robot, an ninh mạng; sản xuất thông minh, vật liệu mới, năng lượng sạch, môi trường, công nghiệp hỗ trợ; tài chính, logistics, thương mại quốc tế, cảng biển, dịch vụ số, du lịch); (6) Trên 90% đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm; (7) Trên 95% bí thư, phó bí thư cấp ủy tổ chức cơ sở đảng có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên (trừ tổ chức đảng trong doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước); (8) Trên 95% bí thư cấp ủy tổ chức cơ sở đảng có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; (9) Trên 90% trưởng khu phố, ấp, thôn, khu dân cư và trưởng ban công tác mặt trận khu phố, ấp, thôn, khu dân cư là đảng viên; (10) 100% đảng viên đang công tác được phân công nhiệm vụ cụ thể, gắn với địa bàn, nhóm đối tượng, lĩnh vực phụ trách.

6.3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện, chuyển trọng tâm từ củng cố sang nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, quản trị và tổ chức thực hiện ở cơ sở: (1) Hoàn thiện mô hình tổ chức của Đảng đồng bộ, tương ứng với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị; (2) phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở phù hợp với đặc thù địa bàn, lĩnh vực và yêu cầu phát triển mới; (3) ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về chức năng nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của một số loại hình tổ chức đảng; (4) đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo hướng thực chất, hiệu quả; (5) đẩy mạnh phát triển tổ chức đảng trong khu vực ngoài nhà nước và ở những lĩnh vực, địa bàn trọng điểm; (6) tăng cường vai trò lãnh đạo, kiểm tra, giám sát.

Về đội ngũ đảng viên

(1) Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên: Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy trong công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên; xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển đảng viên theo nhiệm kỳ và hàng năm, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới theo hướng phù hợp với đặc điểm từng địa phương, cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh công tác tạo nguồn theo hướng chủ động phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú thông qua thực tiễn công tác, lao động, học tập và các phong trào thi đua yêu nước; mở rộng, đa dạng hóa nguồn phát triển đảng viên gắn với yêu cầu phát triển Thành phố trong giai đoạn mới; triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác phát triển đảng viên trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; rà soát, hoàn thiện quy trình phát triển đảng viên theo hướng số hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, thẩm tra, xác minh; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội trong phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên, hội viên ưu tú cho Đảng.

(2) Tăng cường công tác quản lý đảng viên trên nền tảng số: Tiếp tục đổi mới toàn diện công tác quản lý đảng viên theo hướng hiện đại, đồng bộ, số hóa, bảo đảm quản lý chặt chẽ, khoa học và hiệu quả; triển khai đồng bộ Thẻ đảng viên điện tử, Hồ sơ đảng viên điện tử trong toàn Đảng bộ Thành phố; có giải pháp phù hợp tạo điều kiện thuận lợi để đảng viên là sinh viên tốt nghiệp, quân nhân xuất ngũ, người lao động làm việc xa nơi cư trú được tham gia sinh hoạt đảng theo đúng quy định.

(3) Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên: Xây dựng đội ngũ đảng viên Đảng bộ Thành phố có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, tư duy đổi mới, năng lực số, tác phong chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới; gắn việc xây dựng hình mẫu đảng viên với triển khai hiệu quả Không gian văn hóa Hồ Chí Minh; đổi mới công tác đánh giá, quản lý và rèn luyện đảng viên theo hướng thực chất, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm công việc, sáng kiến, hiệu quả giải quyết công việc và mức độ hài lòng của Nhân dân làm thước đo chủ yếu; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên tại nơi công tác và nơi cư trú; phát huy vai trò, uy tín, kinh nghiệm của đảng viên cao tuổi trong truyền đạt kinh nghiệm, bồi dưỡng, dìu dắt thế hệ cán bộ, đảng viên trẻ.

II. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI THỜI GIAN GẦN ĐÂY

Một số kết quả chuyến thăm cấp Nhà nước tới Liên bang Nga, thăm chính thức Cộng hòa Pháp và tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Không gian vũ trụ của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Phu nhân

Nhận lời mời của Tổng thống Nga Vladimir Putin, Tổng thống Pháp Emmanuel Macron, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm cùng Phu nhân và Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đã thăm cấp Nhà nước tới Liên bang Nga, thăm chính thức Cộng hòa Pháp và tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Không gian vũ trụ từ ngày 7-12/9/2026. Đây là chuyến thăm đầu tiên của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tới hai nước trên cương vị mới sau khi Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Chuyến thăm mang ý nghĩa lịch sử khi đây là chuyến thăm cấp Nhà nước tới Liên bang Nga đầu tiên của người đứng đầu Đảng, Nhà nước ta kể từ năm 1991 cũng là chuyến thăm chính thức Pháp lần thứ hai của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, đồng thời là lần thứ hai người đứng đầu Đảng, Nhà nước Việt Nam tham dự sự kiện quốc tế do Pháp tổ chức, đặc biệt đây là hội nghị ở cấp nguyên thủ lần đầu tiên trên thế giới về lĩnh vực không gian vũ trụ.

Chuyến thăm đã thành công tốt đẹp và đạt kết quả toàn diện, ở mức cao các mục đích, yêu cầu đề ra với nhiều kết quả thực chất, có ý nghĩa quan trọng đối với quan hệ của Việt Nam với các đối tác cũng như đối với sự phát triển của Việt Nam trong giai đoạn mới.

Hai nước đã dành sự đón tiếp rất trọng thị, nồng hậu với nhiều nghi lễ đặc biệt đối với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và Đoàn, thể hiện sự coi trọng đặc biệt đối với quan hệ với Việt Nam cũng như đối với lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta, nhân dân ta và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm.

Tại hai nước, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã có rất nhiều hoạt động phong phú với các cuộc hội đàm, hội kiến, gặp gỡ, trao đổi với tất cả các lãnh đạo cao nhất, các đại diện của các chính đảng, lãnh đạo của nhiều giới, từ doanh nghiệp cho tới giới học giả, những người làm công tác khoa học - công nghệ, giáo dục, với cộng đồng người Việt Nam ở hai nước. Lãnh đạo các ban, bộ, ngành, địa phương

tham gia đoàn cũng đã có các cuộc làm việc hiệu quả, thực chất với các đối tác ở cả hai nước.

Một điểm rất nổi bật trong hoạt động đối ngoại cấp cao lần này là việc đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và lãnh đạo của hai nước Liên bang Nga và Pháp đều đạt được nhất trí rất cao về những vấn đề được trao đổi và quan tâm chung, những kết quả tích cực đạt được trong quan hệ và phương hướng thời gian tới. Qua đó, lãnh đạo Việt Nam cùng lãnh đạo của hai nước đã tăng cường được sự hiểu biết lẫn nhau trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực đặt ra những yêu cầu mới đối với Việt Nam, với Liên bang Nga và với Pháp; đồng thời củng cố tin cậy chính trị ở mức cao đã được xác lập sau chuyến thăm lịch sử của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tới Pháp vào tháng 10/2024 và đến Nga vào tháng 5/2025.

Bên cạnh việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và củng cố quan hệ chính trị, một yếu tố rất quan trọng là việc lãnh đạo cấp cao Việt Nam, Nga và Pháp có sự nhất trí rất cao, đi sâu trao đổi về việc làm thế nào để triển khai thực hiện hiệu quả những thỏa thuận đã đạt được trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo,... để từ đó mở ra những hướng hợp tác mới trong những lĩnh vực này. Nhiều chương trình hợp tác đã được triển khai với nội dung phong phú, được các bên ghi nhận và đánh giá cao trong Tuyên bố chung giữa Việt Nam với Nga, Việt Nam với Pháp; trong các cuộc trao đổi giữa hai bên tại các diễn đàn doanh nghiệp, diễn đàn về khoa học - công nghệ và những văn kiện hợp tác được ký kết.

Việt Nam và Liên bang Nga, Việt Nam và Pháp hoàn toàn có thể tận dụng tiềm năng hợp tác để đáp ứng yêu cầu và lợi ích của mỗi bên. Trong thương mại và đầu tư, Việt Nam, Nga và Pháp đều nhận thấy rằng kim ngạch thương mại, đầu tư hai chiều cần phải cao hơn nữa để tương xứng với khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, với tiềm năng và thế mạnh của mỗi bên. Đặc biệt, trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, hai bên có sự nhất trí cao; cả Pháp và Nga đều nhất trí xác định đây là một hướng đột phá mới trong quan hệ hợp tác với Việt Nam.

Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đã nêu rõ việc cần phải thay đổi tư duy, có cách làm mới trong hợp tác và được lãnh đạo hai nước nhất trí cao. Tư duy không còn là chuyện Việt Nam mua bao nhiêu hàng từ các nước và ngược lại hay chuyển giao công nghệ đơn thuần mà phải làm sao để Việt Nam cùng Nga và Pháp hợp tác cùng sản xuất, cùng nghiên cứu và tạo ra sản phẩm chung, tăng cường liên kết, kết nối chuỗi cung ứng chung giữa Việt Nam và Nga, Việt Nam và Pháp. Đây là tư duy rất quan trọng để định hướng cho quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với Nga và Pháp thời gian tới.

Qua các cuộc gặp gỡ và trao đổi, các nước đều cảm nhận và hiểu rõ cách làm hiện nay của Việt Nam, qua đó nhất trí sẽ cùng nhau tổ chức thực hiện. Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước khẳng định lãnh đạo Việt Nam và Chính phủ Việt Nam sẽ chỉ đạo, giải quyết từng dự án để tháo gỡ các vướng mắc và khó khăn nếu có, từ đó đạt được kết quả cụ thể và tập trung vào những hướng đi mới.

Sự phát triển trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với Nga và Pháp góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ của

Việt Nam trong thời gian tới. Với việc hai nước đều là Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, có vị thế và tiếng nói quan trọng, việc tăng cường quan hệ với hai nước sẽ góp phần giúp Việt Nam thực hiện thành công đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng lần thứ XIV, nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam, củng cố cục diện đối ngoại của ta ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng như trên thế giới, mang lại lợi ích chung, củng cố hòa bình, ổn định và hợp tác trong khu vực cũng như trên thế giới.

Đối với Hội nghị Thượng đỉnh Không gian vũ trụ tại Pháp, lãnh đạo Pháp và các nước, tổ chức quốc tế đánh giá cao việc đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tham dự và có bài phát biểu quan trọng. Vũ trụ hiện nay không chỉ là vấn đề khoa học mà còn là không gian phát triển mới, được Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm và mong muốn tranh thủ, tận dụng để phát triển đất nước. Pháp là một nước có nhiều tiềm năng và thế mạnh cả về khoa học, ứng dụng và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vũ trụ.

Truyền thông quốc tế đã đưa tin đậm nét kết quả và ý nghĩa chuyến thăm cấp Nhà nước tới Liên bang Nga, thăm chính thức Cộng hòa Pháp và tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Không gian vũ trụ từ ngày 07 - 12/9/2026 của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm cùng Phu nhân và Đoàn đại biểu cấp cao. Trong đó nổi bật là cuộc hội đàm giữa Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm với Tổng thống Vladimir Putin, những thỏa thuận mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực và triển vọng tăng cường giao lưu giữa nhân dân hai nước. Nhân chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Việt Nam và Nga đã xác định 48 lĩnh vực hợp tác, với mục tiêu được đặt ra là đưa quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện sang một giai đoạn mới với nhiều dự án cụ thể hơn³. Trong lĩnh vực kinh tế, hai bên hướng tới tăng cường thương mại và đầu tư, thúc đẩy các dự án có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao.

Chuyến thăm chính thức Pháp của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, truyền thông quốc tế nhấn mạnh, người đứng đầu Đảng và Nhà nước Việt Nam tham dự Hội nghị Thượng đỉnh quốc tế về không gian mang một thông điệp quan trọng: Việt Nam không còn nhìn nhận không gian chỉ dành cho một số cường quốc có tiềm lực khoa học và tài chính vượt trội. Việt Nam muốn tiến xa hơn vai trò của một quốc gia tiếp nhận thành quả công nghệ. Việt Nam và Pháp đều đề cao việc thăm dò, khai thác và sử dụng không gian vì mục đích hòa bình. Hai nước cùng coi trọng luật pháp quốc tế, chủ nghĩa đa phương, đối thoại, xây dựng lòng tin và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. La Tribune nhận định chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm mang ý nghĩa vượt ra ngoài khuôn khổ song phương. Việt Nam và Pháp có thể từng bước trở thành những nhịp cầu chiến lược kết nối ASEAN với Liên minh châu Âu (EU).

Nơi nhận:

- Phòng Thông tin - Tổng hợp - Dự luận xã hội,
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Bí thư các tổ chức đảng trực thuộc;
- Lưu Ban Xây dựng Đảng phường.

**KT/TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Thị Thúy Hiền